TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 46/2017/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 04 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2017/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1953.

2/ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã N1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh với Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng D với ông Nguyễn Quốc K tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Một người con tên T, sinh ngày 19/6/2012 hiện tại đang sống với ông K. Sau khi ly hôn bà D với ông K tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Quốc K được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng em T, sinh ngày 19/6/2012.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D với ông K chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà D với ông K đã tự nguyện thỏa thuận xong về phần tài sản chung. Bà D với ông K không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Bà D tự nguyện rút lại yêu cầu phần chia tài sản chung mà bà đã yêu cầu.

- Về nợ chung: Nợ bà H số tiền mượn 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tiền hụi bà N 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Bà D với ông K đã tự nguyện thỏa thuận xong về phần nợ chung. Bà D với ông K không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Bà H, bà N không đặt ra yêu cầu về phần nợ nên không xem xét giải quyết.

- Về người khác nợ vợ chồng: Không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng D tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0012570 ngày 29/9/2017 do bà Lê Thị Hồng D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu. Hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng D 150.000đồng tiền tạm ứng án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 1.212.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2015/0012569 ngày 29/9/2017 do bà Lê Thị Hồng D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu.

Ông Nguyễn Quốc K không phải nộp án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* ***<u>Nơi nhận</u>:***
- *VKSND huyện;*
- *Toà án tỉnh;*
- *Chi cục THA huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên